TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2024/DS-ST
Ngày: 24/6/2024
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

2. Bà Lê Thị Ngọc Bích.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Văn Phước - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 và ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2024/TLST-DS, ngày 01/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS, ngày 16/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị N**, sinh năm: 1966 và ông **Nguyễn Thái T**, sinh năm: 2004. Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp Kiên Sơn, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Thái T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị N (giấy ủy quyền chứng thực ngày 27/02/2024).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ 3, ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T có mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Thái T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 20/9/2022, bà Nguyễn Thị T1 có đến nhà chúng tôi vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1,3%/tháng trong vòng 06 tháng sẽ hoàn trả tiền gốc. Tiền lãi là 520.000 đồng/tháng, tính đến ngày 20/9/2023 đã 01 năm

nên số tiền lãi là 6.240.000 đồng và chúng tôi sẽ không tính lãi thêm.

Ban đầu bà T1 tự nguyện đưa căn cước công dân cho chúng tôi giữ làm tin để vay số tiền trên nhưng sau đó bà T1 nói là cần căn cước để giải quyết công việc nên chúng tôi đã trả lại. Đến nay số tiền vay quá lâu chúng tôi đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà T1 vẫn không trả. Chúng tôi đã làm đơn gửi ban lãnh đạo ấp Cống Tre nhờ giải quyết, tại đây bà T1 thừa nhận có vay số tiền trên và hứa trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng đến nay bà T1 vẫn không thực hiện.

Vì vậy chúng tôi khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bà T1 phải trả cho chúng tôi số tiền vay cả gốc và lãi là 46.240.000 đồng, không yêu cầu tính lãi thêm.

* Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật cho nguyên đơn, bị đơn nhưng tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể làm việc với bị đơn và không tiến hành hòa giải được vụ án. Qua xác minh tại địa phương được biết bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1981 có đăng ký thường trú tại ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ cả gốc và lãi là 46.240.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại ấp Cống Tre, xã K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt nhiều lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Thái Thị N vắng mặt nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ, căn cứ vào hợp đồng thế chấp ghi ngày 20/9/2022 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị T1 về việc có vay của ông Nguyễn Thái T và bà Thái Thị N số tiền 40.000.000 đồng và tại biên bản hòa giải của ấp Cống Tre, xã K

thì bà Nguyễn Thị T1 cũng thừa nhận số tiền vay như trên và cam kết trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đến nay do bà T1 không trả nợ như cam kết nên ông T, bà N khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi suất là 1,3%/tháng x 12 tháng x 40.000.000 đồng = 6.240.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận. Vì vậy tổng số tiền cả gốc và lãi buộc bà T1 phải trả cho bà N, ông T là 46.240.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi thêm nên miễn xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bị đơn bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 145, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Thái T và bà Thái Thị N số tiền 46.240.000 đồng, trong đó số tiền gốc là 40.000.000 đồng, số tiền lãi là 6.240.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định T1ơng ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà T1 phải chịu số tiền án phí là 2.312.000 đồng.

- Trả lại cho ông T, bà N số tiền án phí tạm nộp là 1.156.000 đồng theo biên lai số 0001853 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Ông T, bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho